

# ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC THEO CHUẨN ĐẦU RA

PGS.TS. Lê Đức Ngọc, Khoa Quản trị chất lượng,

Trường Đại học Giáo dục, thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội.

## TÓM TẮT

Sau khi tóm tắt những tiến bộ của khoa học giáo dục về Phát triển chương trình, Hoạt động dạy học, Kiểm tra đánh giá, Quản lý chất lượng và yêu cầu Phẩm chất và Năng lực của Giáo dục 4.0; bài viết đưa ra mô hình và qui trình đào tạo đại học đáp ứng chuẩn đầu ra và đánh giá đạt chuẩn đầu ra phù hợp với các tiến bộ của khoa học giáo dục đã nêu.

Từ khóa: Quy trình đào tạo đại học, chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.

## ABSTRACT

After summarizing the advances of educational science on Program Development, Teaching Activities, Testing and Evaluation, Quality Management and Requirements Quality and Competence of Education 4.0; the article presents a model and university training process that meets the Program Learning Outcomes and evaluates the Program Learning Outcomes in accordance with the advancements of educational science mentioned above.

Key words: University Training Process, Program Learning Outcomes.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Quan điểm, mô hình và qui trình giáo dục đại học thời nay đề xuất trong bài này là dựa trên những quan điểm và tiến bộ của khoa học giáo dục trong thời gian vừa qua, có thể tóm tắt qua 4 nội dung như sau:

### 1. Những tiến bộ của khoa học giáo dục

- **Về Phát triển chương trình:** thoát đầu khi nội dung còn ít, phát triển chương trình theo cách *tiếp cận nội dung* có nghĩa là có bao nhiêu nội dung đều đưa vào chương trình. Khi kiến thức bắt đầu nhiều, phát triển chương trình phải theo cách *tiếp cận mục tiêu*, trên cơ sở mục tiêu đào tạo, chọn các kiến thức và kỹ năng cũng như phẩm chất đưa vào chương trình nhằm thực hiện mục tiêu đào tạo đã đề ra. Đến giai đoạn kinh tế thị trường, cạnh tranh

trong giáo dục đại học bằng việc tạo ra được nguồn nhân lực thích ứng, khi đó phải áp dụng *tiếp cận quá trình* hay *tiếp cận phát triển* (nhà trường là nơi chuẩn bị tiềm năng cho người học phát triển, vì thế trường nào chuẩn bị được tiềm năng cho người học phát triển tốt, trường đó có thương hiệu cao). Thời đại ngày nay, giáo dục là một loại dịch vụ, mà đã là dịch vụ thì phải công bố chuẩn chất lượng dịch vụ, do đó phát triển chương trình phải ***tiếp cận chuẩn đầu ra***.

- **Về Phương pháp dạy học:** thoát đầu kiến thức ít và chỉ có giảng viên mới có kiến thức, nên *giảng dạy là truyền thụ kiến thức*, nhưng rồi kiến thức bùng nổ, dạy không xuể, phải *dạy cách học*; ngày nay bùng nổ tiến bộ của công nghệ thông tin và truyền thông, tri thức

có thể tìm được dễ dàng qua nhiều kênh, nhưng không qua trải nghiệm (*học qua hành*) thì không vận dụng và sáng tạo được, đặc biệt là các kỹ năng mềm. Vì vậy, rồi đây **giáo dục là hoạt động tổ chức trải nghiệm** cho người học làm chính và sẽ xuất hiện “*học chế trải nghiệm*” đó là sự phát triển của “*học chế tín chỉ*” trong thời đại 4.0.

- **Về Kiểm tra đánh giá:** cùng với phát triển chương trình theo tiếp cận nội dung, nên kiểm tra đánh giá là nhằm kiểm tra đánh giá kết quả học tập (assessment of learning). Nhưng rồi khi tiếp cận phát triển, kiểm tra đánh giá là để hỗ trợ việc học (assessment for learning). Ngày nay tiếp cận chuẩn đầu ra, phải coi *kiểm tra đánh giá như một hoạt động học tập* (assessment as learning) để có thể đánh giá được người học đạt chuẩn đầu ra đến mức độ nào về nhận thức và tư duy khi tiếp nhận tri thức.

- **Về Quản lý chất lượng:** ban đầu quản lý chất lượng là *hoạt động kiểm soát chất lượng* để không đưa nhân lực kém chất lượng ra thị trường, nhưng rồi tiến đến quản lý chất lượng là **hoạt động ngăn ngừa sinh ra sản phẩm kém chất lượng** (được gọi là đảm bảo chất lượng). Tuy nhiên, trong kinh tế thị trường cạnh tranh bằng cải tiến chất lượng sản phẩm liên tục, khi đó *quản lý chất lượng theo mô hình TQM*.

## 2. Đào tạo theo chuẩn đầu ra

Khi *phát triển chương trình theo tiếp cận chuẩn đầu ra* thì hoạt động đào tạo là hoạt động theo chuẩn đầu ra. Khi đó *chương trình là công cụ chuyển tải chuẩn đầu ra, dạy học là hoạt động chuyển tải chuẩn đầu ra, còn kiểm tra đánh giá là hoạt động đánh giá người học đạt chuẩn đầu ra đến mức độ nào.*

- **Giáo dục 4.0\***

Đặc trưng quốc tế về Giáo dục	GD 1.0 trước 1980	GD 2.0 sau 1980	GD 3.0 những năm 1990	GD 4.0 từ những năm 2000
Mục tiêu:Tập trung vào	Kiến thức	Việc làm	Sáng tạo tri thức	Đổi mới và Sáng tạo tri thức
Chương trình	Đơn ngành	Đa ngành	Liên ngành	Tích hợp ngành
Công nghệ	Giấy và bút	Máy tính	Internet và Mobile	IoTs
Kiến thức ICT	Chưa có	Nhập ITC	Làm chủ ICT	Công dân ICT
Dạy học	Đơn cách	Hai cách	Đa cách	Mọi nơi
ĐBCL	Chất lượng học thuật	Chất lượng dạy học	Chất lượng dựa trên tiêu chuẩn	Chất lượng dựa trên nguyên tắc
Nhà trường	Gạch và vữa	Gạch và bít	Mạng	Hệ sinh thái
Đầu ra	Kỹ năng làm việc	Tri thức làm việc	Tích hợp tri thức vào sản xuất	Nhà sáng tạo và Doanh nhân

\*Nguyễn Hữu Đức and collab., “Towards the Higher Education 4.0—Characteristics and Criteria” *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Nghiên cứu Chính sách và Quản lý, Tập 34, Số 4 (2018) 1-28*

### 3. Phẩm chất và năng lực nguồn nhân lực cho thời đại

Theo UNESCO, thời đại hiện nay cho đến 2030, cần dạy và rèn luyện cho người học các phẩm chất và năng lực sau đây:

N <sup>o</sup>	Lĩnh vực	Ví dụ về giá trị, năng lực, kỹ năng và thái độ cốt lõi
1	Tư duy đổi mới và sáng tạo	Khả năng sáng tạo, Tinh thần khởi nghiệp, Tháo vát, Kỹ năng vận dụng, Tư duy phản chiếu, Ra quyết định hợp lý.
2	Kỹ năng xã hội	Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng tổ chức, Làm việc theo nhóm, Cộng tác, Hòa đồng, Tinh thần đồng đội, Sự đồng cảm, Lòng trắc ẩn
3	Kỹ năng cá nhân	Kỷ luật tự giác, Khả năng độc lập trong học tập, Linh hoạt và Thích ứng, Biết mình, Kiên trì, Tự tạo động lực, Nhất quán, Tự trọng.
4	Công dân toàn cầu	Ý thức, Khoan dung, Cởi mở, Trách nhiệm, Tôn trọng sự đa dạng, Hiểu biết về đạo đức, Hiểu biết đa văn hóa, Khả năng giải quyết mâu thuẫn, Tham gia dân chủ, Giải quyết xung đột, Tôn trọng môi trường, Bản sắc dân tộc, Ý thức mình thuộc về một nơi nào đó.
5	Tri thức công nghệ thông tin và truyền thông	Khả năng thu thập và Phân tích thông tin thông qua công nghệ thông tin và truyền thông (ICT), Khả năng đánh giá phản biện nội dung thông tin và truyền thông, Sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông phù hợp đạo đức.
6	Kỹ năng khác (lối sống, giá trị tôn giáo)	Tôn trọng lối sống lành mạnh, Tôn trọng các giá trị tôn giáo. <i>(Hiểu biết về Khoa học sức khỏe và Khoa học giáo dục)</i>

*(Trích: UNESCO, Hướng dẫn phát triển và đẩy mạnh Khung trình độ trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, tr 30. 2018.)*

Với nhận thức rõ, cơ sở giáo dục là nơi chuẩn bị tiềm năng cho người học phát triển suốt đời, các tiềm năng này (chính là các phẩm chất và năng lực UNESCO khuyến nghị trong bảng trên) phải đáp ứng bối cảnh thời đại, để nhà trường xác định mục tiêu giáo dục, tầm nhìn và hệ giá trị cho mình một cách hợp lý.

Thực ra, năng lực cốt lõi phải là các năng lực nhận thức (Nhớ, Hiểu, Áp dụng, Phân tích, Đánh giá và Sáng tạo) và các năng lực tư duy (Logic, Trừu tượng, Hệ thống, Phê phán và Sáng

tạo), thì các phẩm chất và năng lực trong bảng trên chỉ là năng lực thứ cấp. Khi có năng lực nhận thức và tư duy càng cao, càng dễ dàng học tập và rèn luyện để có được vững chắc các phẩm chất và năng lực nêu trong bảng trên. Vì vậy, cần chú trọng giáo dục và rèn luyện năng lực nhận thức và tư duy bậc cao trong từng bài giảng đại học ở thời đại 4.0.

Thời đại bùng nổ thông tin và tiến bộ của công nghệ và truyền thông, dạy không xuê, phải dạy và học cách học. Mỗi môn học phải tập trung dạy cho

được các kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ và trách nhiệm cần đạt thuộc môn học mình dạy qua 3 năng lực nền tảng: 1- *Năng lực thu thập thông tin* (qua công nghệ và học hỏi), 2- *Năng lực xử lý thông tin* (qua định tính và định lượng) và trên cơ sở đó dạy: 3- *Năng lực sử dụng thông tin* (để ra quyết định hay giải quyết vấn đề).

Dạy học ngày nay là hoạt động chuyển tải và kèm theo đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra đến/của người học. *Nội dung môn học chỉ là phương tiện để dạy cách học và rèn luyện năng lực tự học*, để đạt được một vài thành phần của chuẩn đầu ra chương trình đào tạo. Vì vậy, nội dung môn học chỉ nên gồm các kiến thức, kỹ năng cốt lõi.

Những kiến thức, kỹ năng mở rộng hoặc chuyên sâu, một khi có/biết cách học, người học sẽ tự kiến tạo.

## II. PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH THEO CHUẨN ĐẦU RA

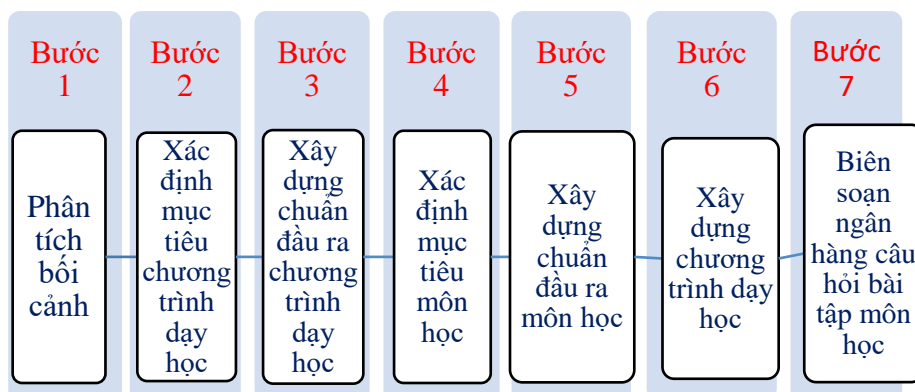
### 1. Quan điểm phát triển chương trình đáp ứng thời đại

- Chương trình (curriculum) là công cụ để thực hiện mục tiêu và để chuyển tải chuẩn đầu ra đến người học;

- Chương trình phải phù hợp với *trình độ bậc học* và yêu cầu nguồn *nhân lực của thời đại*;

- Chương trình phải phù hợp với học chế triển khai thực hiện. Hiện nay là “*Học chế tín chỉ*”, đang chuyển dần sang “*Học chế trải nghiệm*”.

### 2. Quy trình phát triển chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra



- **Bước 1:** Phân tích bối cảnh để nhận ra nhu cầu kinh tế - xã hội và nguồn lực của nhà trường cần và đủ như thế nào để triển khai đào tạo nhân lực cho một nghề xác định mà nhà trường dự định hay đã tổ chức đào tạo.

- **Bước 2:** Xác định *mục tiêu chung* của chương trình (gồm những phẩm chất và năng lực nào cần giáo dục và rèn luyện cho người học) và *mục tiêu cụ thể* (gồm những kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm nào cần giáo

dục và rèn luyện cho người học) của chương trình đào tạo để định hướng nội dung chương trình đào tạo phù hợp với bậc học.

- **Bước 3:** Xây dựng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo theo *Khung trình độ quốc gia* (kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm) có hướng đến nguồn nhân lực 4.0 để đảm bảo trình độ và chất lượng bậc học ngang tầm khu vực và quốc tế.

- **Bước 4:** Xác định *mục tiêu chung* của môn học (tham gia chuyển tải

những thành phần phẩm chất và năng lực nào của chuẩn đầu ra chương trình) và *mục tiêu cụ thể* (giáo dục và rèn luyện cho người học những kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm nào thuộc chương trình).

- **Bước 5:** Xây dựng chuẩn đầu ra môn học để cụ thể hóa những kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của người học được giáo dục và rèn luyện, tối thiểu phải đạt mức độ nào khi tích lũy tín chỉ môn học.

Khi đó chuẩn đầu ra của môn học lý thuyết được xây dựng theo thang Bloom rút gọn gồm 3 mức: những *kiến thức* chỉ cần nhận thức ở *mức độ tái hiện* “Nhớ”; những kiến thức cần nhận thức ở *mức độ tái tạo* như “Hiểu và Áp dụng” và những kiến thức cần nhận thức ở mức độ cao về *lập luận sáng tạo* như “Phân tích, Đánh giá hay Sáng tạo”. Trong khi đó chuẩn đầu ra các *Kỹ năng thuộc môn học* có thể được xây

dựng theo thang Dave rút gọn, cũng gồm 3 mức: những kỹ năng cần đạt ở mức “Chuẩn hóa”; những kỹ năng cần đạt ở mức “Phối hợp” và những kỹ năng cần đạt ở mức “Thành thạo”. Đối với chuẩn đầu ra của *mức tự chủ và trách nhiệm* xây dựng theo 3 mức: “đạt”, “cao” và “rất cao”. Nội dung chuẩn đầu ra môn học mà người học được học hỏi và rèn luyện, sẽ được tích hợp qua hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá.

Thiết kế chuẩn đầu ra môn học theo thang Bloom, Dave hay Mức tự chủ và Trách nhiệm nêu trên thì *nội dung chuẩn đầu ra* đó sẽ là *nguồn câu tự luận hay trắc nghiệm khách quan* để tạo dựng các đề thi đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra môn học. thí dụ, chuẩn đầu ra Chương 1, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh xây dựng theo thang Bloom có dạng như sau:

CDR / Nội Dung	Bậc 1 Tái hiện (Nhớ)	Bậc 2 Tái tạo (Hiểu, ứng dụng)	Bậc 3 Lập luận sáng tạo (Phân tích, Đánh giá, Sáng tạo)
<b>Chương 1</b>	I.A.1. Các cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh. I.A.2. Nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh trong từng thời kỳ hình thành và phát triển.	I.B.1. Phương pháp kế thừa biện chứng của Hồ Chí Minh đối với các giá trị tư tưởng - văn hóa của dân tộc và nhân loại. I.B.2. Vai trò của phẩm chất cá nhân của Hồ Chí Minh đối với sự hình thành tư tưởng của Người. I.B.3. Sự phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh qua các thời kỳ	I.C.1. Giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với dân tộc và nhân loại.

Nếu nội dung I.C.1 lấy làm câu tự luận: “*Hãy phân tích giá trị tư tưởng Hồ chí minh đối với dân tộc và nhân*

*loại*” và cũng có thể chuyển thành 2 câu trắc nghiệm khách quan:

*Câu 1. Giá trị bao quát nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với dân tộc là:*

- a. trực tiếp dẫn tới sự ra đời nước Việt Nam dân chủ cộng hoà.
- b. ngọn cờ của phong trào cách mạng Việt Nam trước năm 1930.
- c. chuẩn bị điều kiện cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- d. soi đường cho sự nghiệp giải phóng và phát triển dân tộc.\*

*Câu 2. Giá trị bao quát nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với thời đại là góp phần*

- a.vào cuộc đấu tranh của phong trào công nhân quốc tế.
- b.vào sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc thế giới.\*
- c. phát triển chủ nghĩa Mác ở các nước thuộc địa.
- d. xây dựng quan hệ hữu nghị giữa các nước trên thế giới.

Như vậy, nếu người học làm được bài thi, có nghĩa là người học đạt được chuẩn đầu ra môn Tư tưởng Hồ Chí Minh ở Bậc 3 của thang Bloom rút gọn, với mức độ thể hiện ở điểm số đạt được của bài làm.

- **Bước 6:** Xây dựng chương trình đào tạo bằng cách chọn các môn học tham gia chuyển tải các thành phần của chuẩn đầu ra mới đưa vào chương trình. Môn học nào chuyển tải nhiều hay khó học chọn làm môn bắt buộc, gán cho nhiều tín chỉ; chuyển tải ít hay dễ học chọn làm môn tự chọn, cho ít tín chỉ. Môn học nào lỗi thời, không chuyển tải được thành phần nào của chuẩn đầu ra chương trình thì không đưa vào chương trình.

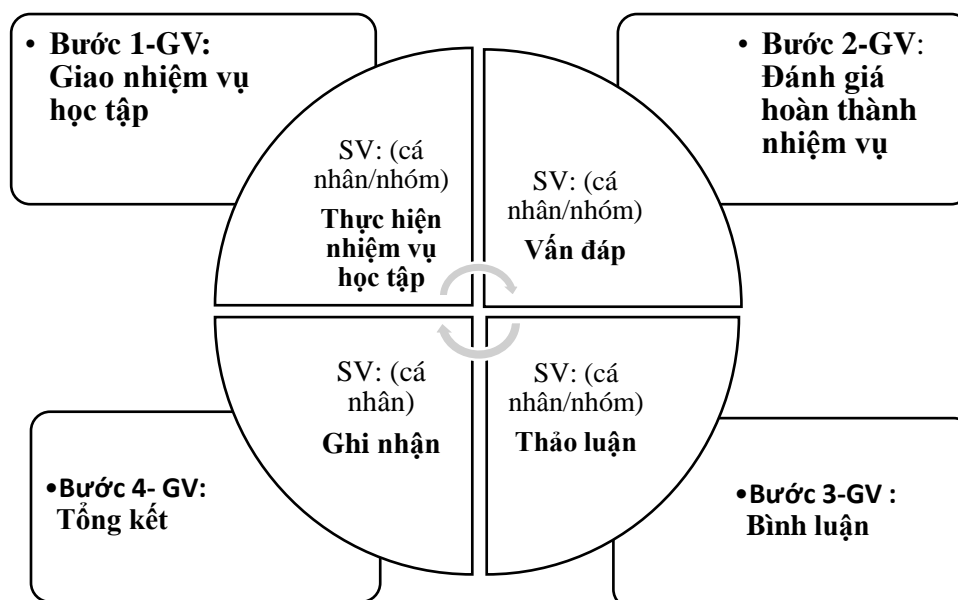
- **Bước 7:** Biên soạn ngân hàng câu hỏi và bài tập môn học dùng để dạy và học, đồng thời để đánh giá người học đạt chuẩn đầu ra môn học đến mức độ nào; như vậy có thể cho rằng đạt chuẩn đầu ra tất cả các môn học trong chương trình tức là đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo. Khi đó có thể biểu diễn ý tưởng này qua bảng ma trận mô phỏng sự tương quan giữa các môn học với chuẩn đầu ra chương trình.

Với quan điểm, chương trình đào tạo chỉ là *công cụ để chuyển tải*, còn dạy học là *hoạt động chuyển tải* chuẩn đầu ra đến người học, thì không thể không coi qui trình phát triển chương trình đào tạo phải có bước xây dựng ngân hàng câu hỏi bài tập môn học. Chỉ khi nào có đầy đủ ngân hàng câu hỏi bài tập môn học thì hoạt động dạy và học trong giáo dục mở và hoạt động quản lý chất lượng mới được chuẩn hóa vì *bản chất ngân hàng câu hỏi bài tập là chuẩn kiến thức môn học*.

### III. DẠY HỌC THEO CHUẨN ĐẦU RA

- Dạy và học tích cực là: *“Hoạt động dạy và Hoạt động học phải được kết hợp với nhau một cách chặt chẽ sao cho người học: Chủ động chiếm lĩnh/kiến tạo tri thức, Vận dụng được tri thức, và có thể Sáng tạo được tri thức trong quá trình biến thông tin thành tri thức của mình”*.

- Với khái niệm dạy và học tích cực như vậy thì mặc nhiên có thể mô tả qui trình qua sơ đồ dưới đây:



Nhiệm vụ học tập ở đây là đa dạng, từ đọc các học liệu, viết tiểu luận, làm bài tập, thực hiện dự án...Giáo viên là người dạy cách học thông qua các nhiệm vụ học tập giao cho người học, đây là cách dạy “học qua hành”, “học qua trải nghiệm”.

**Bước 1** - Thầy giao nhiệm vụ học tập -Trò động não chiếm lĩnh kiến thức/kỹ năng thông qua thực hiện nhiệm vụ học tập.

**Bước 2** - Thầy đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập -Trò thể hiện nhận thức/tư duy về kiến thức/kỹ năng vừa chiếm lĩnh được qua thực hiện nhiệm vụ học tập.

**Bước 3** - Thầy bình luận nhận thức/tư duy của trò về kiến thức /kỹ năng vừa chiếm lĩnh được -Trò tham gia thảo luận để nắm vững kiến thức/kỹ năng vừa chiếm lĩnh được.

**Bước 4** - Thầy củng cố kiến thức/kỹ năng cần nắm vững -Trò ghi nhận chuẩn kiến thức/kỹ năng đã chiếm lĩnh được qua hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Như vậy, bản chất qui trình dạy học này là **dạy cách học**, giảng viên chỉ là người hướng dẫn mẫu, thông qua thực hiện nhiệm vụ, người học hoạt động tự chiếm lĩnh kiến thức/tự kiến tạo kiến thức. Người học biết cách tự chiếm lĩnh kiến thức/tự kiến tạo kiến thức sẽ có năng lực tự học suốt đời, phù hợp với thời đại bùng nổ thông tin và công nghệ 4.0.

Nhờ biết cách học/cách tự chiếm lĩnh kiến thức/tự kiến tạo kiến thức trên cơ sở các học liệu mở và công nghệ thông tin, hoạt động dạy và học trong thời đại 4.0 đang chuyển dần sang tổ chức học chế trải nghiệm- *học qua hành* cho người học để nâng cao chất lượng giáo dục. Nhiều nơi trên thế giới đã bắt đầu định hình “Học chế trải nghiệm sáng tạo” này.

“**Học chế trải nghiệm**” được hình thành với cấu trúc của chương trình bao gồm các môn học tham gia chuyển tải chuẩn đầu ra đến người học. Nhưng các môn học này được thiết kế chỉ bao gồm các “module hoạt động trải nghiệm” (các vấn đề, các bài tập lớn, các đề án

nhỏ...thuộc môn học), đòi hỏi người học tự chiếm lĩnh kiến thức, kỹ năng môn học qua các học liệu và hướng dẫn của một hay nhiều giảng viên cùng lúc để giải quyết vấn đề, hoàn thành các bài tập lớn hay dự án nhỏ...thuộc môn học. Bản chất của “Học chế trải nghiệm” là *tổ chức học/tích lũy năng lực hành nghề qua trải nghiệm* (học qua trải nghiệm - learning through experience).

#### **IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA**

##### ***Cách thức đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra***

Đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra có thể theo 2 cách:

+ *Cách thứ nhất*: Vì các môn học trong chương trình đào tạo chỉ tham gia chuyển tải một vài thành phần của chuẩn đầu ra chương trình, nên có thể đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra chương trình thông qua kết quả tích lũy tất cả các môn học trong chương trình. Khi đó điểm môn học được tính theo điểm các thành phần kiểm tra đánh giá dưới dạng tự luận hay trắc nghiệm khách quan, từ nội dung chuẩn đầu ra môn học. Đây chính là cách đánh giá đạt chuẩn đầu ra theo quá trình (formative assessment), giúp người học liên tục phát triển tiềm năng trong quá trình học và người dạy, người quản lý liên tục điều chỉnh hoạt động của mình để nâng cao chất lượng liên tục.

+ *Cách thứ hai*: Dùng chỉ số thực hiện (KPI) các nội dung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, để đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra chương trình. Khi đó cần cụ thể hóa các nội dung chuẩn đầu ra của chương trình

thành các chỉ số thực hiện có thể đo và đánh giá được, để đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra chương trình thông qua các hình thức khác nhau. Đây chính là cách đánh giá đạt chuẩn đầu ra theo tổng kết (summative assessment), chỉ có giá trị cho người quản lý và người dạy, hiệu quả không cao.

Vì năng lực thể hiện qua khả năng vận dụng đồng bộ các kiến thức, kỹ năng, thái độ, phẩm chất đã tích lũy được, để ứng xử, xử lý tình huống hay để giải quyết vấn đề một cách có hiệu quả. Nên câu hỏi, đề thi được xây dựng từ các tình huống hay vấn đề cụ thể để yêu cầu người học vận dụng/vận dụng sáng tạo đồng thời kiến thức, kỹ năng, thái độ, phẩm chất đã tích lũy được để ứng xử, để xử lý tình huống hay để giải quyết vấn đề, đó chính là công cụ để kiểm tra đánh giá năng lực/năng lực sáng tạo.

Kết quả đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra chương trình đào tạo cần dùng làm một trong các tiêu chí để xét cấp văn bằng theo khóa học. Người học nào đạt mức thấp dưới tứ phân vị thứ nhất ( $Q_1$ ) của khóa học, chứng tỏ năng lực tích lũy được thấp, không tương ứng với trình độ bậc học, thì không đạt bằng cấp tương ứng. Khi đó có thể cấp chứng nhận đã học xong chương trình hoặc chỉ cấp văn bằng ở trình độ thấp hơn.

##### ***Kiểm tra đánh giá trong giáo dục đại học***

Khi chương trình là công cụ chuyển tải chuẩn đầu ra và dạy học là hoạt động chuyển tải chuẩn đầu ra đến người học, thì kiểm tra đánh giá là hoạt động đánh giá người học đạt



chuẩn đầu ra đến mức độ nào. Trong thực tế khi sử dụng ngân hàng câu hỏi, đề thi làm từ chuẩn đầu ra môn học, có thể áp dụng 3 loại kiểm tra đánh giá sau đây để thực hiện mục tiêu đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra môn học đến mức độ nào:

+ Kiểm tra đánh giá kết quả học tập (Assessment of learning): bản chất là đánh giá thành tích học tập; thường dùng kiểm tra đánh giá tổng kết (Summative assessment) để thực hiện mục tiêu này.

+ Kiểm tra đánh giá để cải tiến học tập (Assessment for learning): bản chất là đánh giá để hỗ trợ người học biết mình đã học được đến mức độ nào, cần/nên phải cố gắng học để lấp những lỗ hổng nào; thường dùng đánh giá quá trình (Formative assessment) để thực hiện mục tiêu này.

+ Kiểm tra đánh giá như một hoạt động học tập (Assessment as learning): bản chất là dùng kiểm tra đánh giá để dạy học; thường dùng đánh giá xác thực (Authentic assessment) hay đánh giá thay thế/sáng tạo (Alternative

assessment) để thực hiện mục tiêu này.

Ngày nay, xu thế hoạt động dạy học và hoạt động kiểm tra đánh giá được tích hợp/phối hợp với nhau một cách chặt chẽ, dùng kiểm tra đánh giá để dạy cách học, để giúp người học tự học, để dạy học có hiệu quả cao, là phù hợp với giáo dục mở và công nghệ 4.0.

## V. ĐÔI ĐIỀU CUỐI BÀI

Mô hình và qui trình hoạt động đào tạo đại học đưa ra trong bài này giúp giải quyết 3 câu hỏi đặt ra trong giáo dục đại học lâu nay còn lúng túng đó là:

1- Làm thế nào để đánh giá được người học đạt chuẩn đầu ra của chương trình và chuẩn đầu ra của môn học?

2- Làm thế nào để xây dựng được ngân hàng câu hỏi và bài tập môn học để đánh giá được người học đạt chuẩn đầu ra một cách đáng tin cậy?

3- Làm thế nào để hoạt động dạy học góp phần trực tiếp làm cho người học đạt chuẩn đầu ra môn học?

Có thể có nhiều cách giải đáp cho 3 câu hỏi này, tuy nhiên chúng tôi cho rằng đây là giải pháp có cơ sở khoa học và logic hợp lý nhất.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ong, C.B.J., & Nguyen, T.M.N. (2017), *The 4Cs Framework to Transform Higher Education Institution as an Innovation Producing Ecosystem*, International Workshop “Creativity Development and Opportunities for Business and Startup Ideas”, Hanoi: 11-12/8/2017
- [2] Marsh, C. (2009), *Key Concepts for Understanding Curriculum*, 4<sup>th</sup> Ed. Routledge.  
Pham Thi Ly. (2016). *Trends for future higher education development*. downloaded from <http://www.lypham.net/?p=1008>: 10-08-2016 (Vietnamese)
- [3] Wang, L., & Teter, W. (2018), *Guidelines on Developing and Strengthening Qualifications Frameworks in Asia and the Pacific: Building a Culture of Shared Responsibility*, UNESCO Bangkok.
- [4] Care, E., & Luo, R. (2016), *Assessment of transversal competencies: Policy and practice in the Asia-Pacific region*, United Nations Education, Scientific and Cultural Organization.